

Số: 241/2021/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Trinh

Ông Ngô Thanh Nhân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên họp: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1782/2020/QĐST-KDTM ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H đã căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 319 của Luật Thương mại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S

Địa chỉ: Số 02 Đường HHN, phường LTM, Quận O (nay là thành phố T), Thành phố H.

Bị đơn: Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: Số 14-16 Đường PDL, Phường Y, quận BT, Thành phố H.

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 05/11/2020, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn S đã kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1782/2020/QĐST-KDTM ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện, không chấp nhận việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là trái với tình tiết khách quan của vụ án, không đúng quy định pháp luật và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên họp: Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết

vụ án dân sự số 1782/2020/QĐST-KDTM ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H.

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2020, Tòa án nhân dân quận BT ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1782/2020/QĐST-KDTM, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Ngày 05/11/2020, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (sau đây gọi tắt là Công ty S):

Công ty S cho rằng: *Căn cứ Điều IV của Hợp đồng khoán nội bộ ngày 12/12/2006 thì việc xác nhận các hóa đơn khối lượng thi công với bên cung cấp vật tư (S) sẽ do Xí nghiệp xây dựng C (sau đây gọi tắt là Xí nghiệp) xác nhận và gửi đề nghị đến phòng KH-ĐT đối chiếu khối lượng và phòng TC-HC xác nhận chức vụ người ký hợp đồng để bị đơn tạm ứng tiền thanh toán; Xí nghiệp chịu trách nhiệm giải quyết công nợ với bên cung cấp vật tư bằng chi phí khoán công trình, tức là Xí nghiệp được quyền xác nhận công nợ với bên cung cấp vật tư.. là không có cơ sở, bởi lẽ căn cứ Điều IV của Hợp đồng khoán nội bộ ngày 12/12/2006 quy định: “Bên A (Công ty C) sẽ tạm ứng cho bên B (Xí nghiệp xây dựng C) để thanh toán các loại vật tư... trên cơ sở bên B xác nhận và đề nghị tương ứng khối lượng đã thi công”, đây là việc xác nhận nội bộ giữa bị đơn và Xí nghiệp, không phải Xí nghiệp được quyền xác nhận công nợ với bên cung ứng; sau khi Công ty C tạm ứng cho Xí nghiệp thì Xí nghiệp chịu trách nhiệm giải quyết công nợ với bên cung cấp vật tư.*

Đối với ý kiến Công ty S cho rằng *Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Giấy ủy quyền số 104/CT CTGTCC ngày 12/12/2006 về việc ông HVL ủy quyền cho ông BBP được quyền ký xác nhận công nợ với Công ty S là không đúng quy định, vì việc ủy quyền này không loại trừ thẩm quyền của ông HĐT trong việc xác nhận công nợ với Công ty S, pháp luật không cấm việc ủy quyền một công việc cho hai hay nhiều người.* Công ty S căn cứ vào Lệnh thi công và giao nhiệm vụ số 111A/LTC-2006 ngày 18/12/2006 xuất phát từ Hợp đồng khoán nội bộ ngày 12/12/2006 của Công ty C với Xí nghiệp. Hội đồng phúc thẩm xét thấy, như phân tích trên, ông HĐT Giám đốc Xí nghiệp không có thẩm quyền ký xác nhận công nợ với bên cung ứng; Lệnh thi công và giao nhiệm vụ số 111A/LTC-2006 ngày 18/12/2006 chỉ thể hiện Xí nghiệp được giao thi công gói thầu 27, không ủy quyền cho Xí nghiệp đại diện bị đơn ký xác nhận công nợ. Công ty S cũng không đưa ra được chứng cứ khác chứng minh người đại diện pháp luật của Công ty C ủy quyền cho người khác ngoài ông BBP được quyền ký xác nhận công nợ.

Đối với ý kiến Công ty S nêu: *Trong suốt quá trình giao dịch giữa Công ty S và Công ty C (từ ngày 27/9/2007), các hóa đơn chứng từ về thanh toán hay xác nhận công nợ đều do ông HĐT đại diện ký được xem là quy tắc ứng xử có nội dung rõ ràng được hình thành và lặp lại nhiều lần nên được xem là thói quen trong hoạt động thương mại. Dựa trên thói quen này tính đến ngày*

30/11/2009 Công ty C đã thanh toán cho Công ty S một phần và khai thuế GTGT; Tuy nhiên, Công ty S không đưa ra được chứng cứ chứng minh khoản thanh toán mà Công ty C đã thanh toán cho Công ty S được dựa trên các hóa đơn chứng từ về thanh toán hay xác nhận công nợ do ông HDT đại diện ký được Công ty C thừa nhận, do đó vấn đề này không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, xét thấy việc nguyên đơn cho rằng, ngày 16/3/2015, nguyên đơn có gửi Công văn số 0315/002 cho bị đơn thông báo về số nợ 278.362.000 đồng, thông báo được ông HDT ký xác nhận, có đóng dấu Xí Nghiệp nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự 2015, thời hiệu khởi kiện vụ án được tính lại từ ngày 17/3/2015, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 21/3/2016 là còn thời hiệu khởi kiện. Phía bị đơn xác định không nhận được Công văn số 0315/002, đồng thời ông HDT không được uỷ quyền xác nhận công nợ với Công ty S, do đó không có cơ sở để áp dụng quy định theo điểm a khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 319 của Luật Thương mại 2005 “*Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm*”; như vậy thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn được tính từ ngày 16/01/2010 đến ngày 16/01/2012. Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 21/3/2016 là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Do đó, Hội đồng phúc thẩm xét giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 1782/2020/QĐST-KDTM ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của Công ty S, giữ nguyên quyết định đình chỉ nên Công ty S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0088770 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận BT, Thành phố H.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn S;
2. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1782/2020/QĐST-KDTM ngày 29/10/2020 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H.
3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã

nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0088770 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận BT, Thành phố H. Công ty Trách nhiệm hữu hạn S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./ .

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận BT;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận BT;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM.HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Thị Quỳnh Trâm